

**BÁO CÁO CẬP NHẬT**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ**  
**DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**  
**PVD**

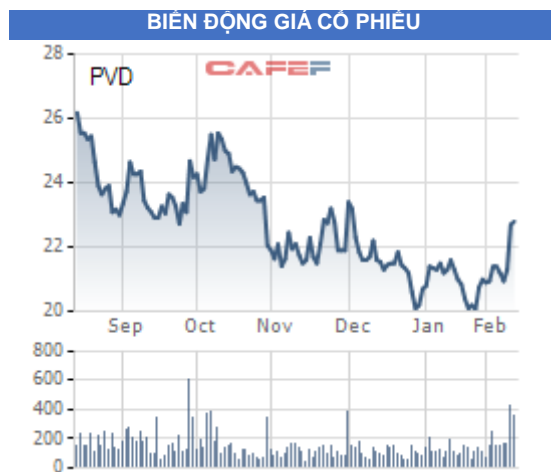


**Tháng 02.2017**

**THÔNG TIN CỔ PHIẾU**

THÔNG TIN NIÊM YẾT	
Tên Công ty	TCT CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
Ngành nghề	Dịch vụ Dầu khí
Sàn giao dịch	HOSE
Mã chứng khoán	PVD
Vốn điều lệ	3.832 tỷ đồng
Vốn hóa: 15/02/2017	8.729 tỷ đồng
Giá cổ phiếu: 15/02/2017	22.700 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN)	50,46%
Tổ chức trong nước	3,03%
Cá nhân trong nước	12,66%
Tổ chức nước ngoài	32,99%
Cá nhân nước ngoài	0,86%



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
	2014	2015	2016
Tổng tài sản	23.305	24.915	23.125
Nợ phải trả	11.592	11.612	9.658
Vốn chủ sở hữu	11.479	12.999	13.467
Doanh thu thuần	20.884	14.444	5.360
Lợi nhuận gộp	4.121	3.191	822
Lợi nhuận ròng	2.540	1.747	174
EPS (đ)	7.983	4.776	203

**Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) được thành lập vào tháng 11 năm 2001, với tiền thân là Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PTSC Offshore - nơi các dịch vụ ban đầu như dịch vụ cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn và xưởng cơ khí đã được hình thành và phát triển kể từ năm 1994. Trải qua quá trình hình thành và phát triển của mình, PV Drilling đã từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và xây dựng nên nhiều loại hình dịch vụ kỹ thuật mới, để tham gia vào hầu hết các dự án tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam cũng như dần phát triển ra thị trường thế giới. Khách hàng của PV Drilling là các Công ty và Tập đoàn dầu khí lớn trên thế giới như Cừu Long - Conoco Philips, Hoàng Long JOC, Hoàn Vũ JOC, Vietsovetro, BP, Conoco, JVPC-Nippon Oil, PVEP, OMV, Petronas, Chevron, Premier Oil, KNOC, Vietgazprom, Thăng Long JOC, Lam Sơn JOC, Trường Sơn JOC...**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV/2016**

Năm 2016, Tổng công ty đặt kế hoạch doanh thu 7.500 tỷ đồng và 500 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế với kịch bản giá dầu trên 60 USD/thùng & doanh thu 5.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 100 tỷ đồng nếu kịch bản giá dầu dưới 60 USD/thùng.

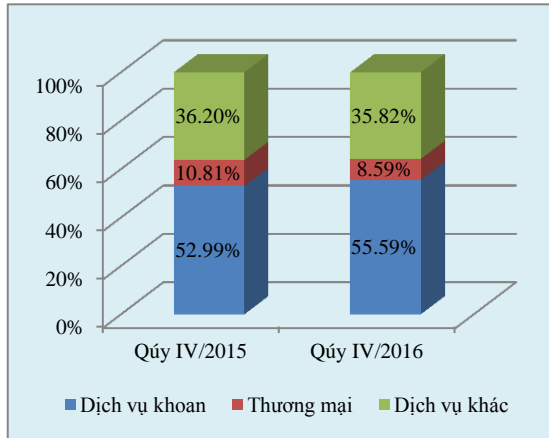
Trong Quý IV/2016, doanh thu thuần chỉ đạt gần 811 tỷ đồng, giảm trên 65% so với cùng kỳ năm 2015 trong khi giá vốn hàng bán giảm 61,66% xuống còn 741,79 tỷ đồng. Do tốc độ giảm doanh thu lớn hơn tốc độ giảm chi phí nên lợi nhuận gộp trong kỳ giảm mạnh 82,66% so với cùng kỳ xuống còn 69,19 tỷ đồng. Doanh thu tài chính trong kỳ tăng 66,8% lên 79,54 tỷ đồng, trong đó khoản lãi chênh lệch tỷ giá được 51,2 tỷ đồng. Chi phí tài chính trong kỳ cũng tăng 34,88% lên gần 128 tỷ đồng, chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá trên 71,6 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ cũng giảm lần lượt 43,14% và 62,44% xuống còn 12,93 tỷ đồng và 86,88 tỷ đồng, chủ yếu là do giảm chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài. Lợi nhuận khác trong kỳ đạt gần 80 tỷ đồng trong khi cùng kỳ chỉ tiêu này là -2,26 tỷ đồng. Lợi nhuận trước và sau thuế Quý IV/2016 lần lượt đạt 53,84 tỷ đồng và 25,35 tỷ đồng, giảm lần lượt 41,37% và 63,32% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân lợi nhuận sụt giảm mạnh là do:

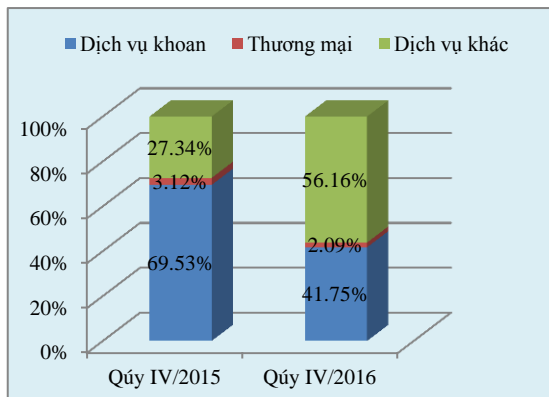
+ Số lượng giàn khoan sở hữu hoạt động trung bình trong Quý IV/2016 là 2,3 giàn so với 4,2 giàn của cùng kỳ năm trước; Hiệu suất sử dụng giàn khoan trong Quý IV/2016 chỉ đạt 46%;

+ Đơn giá cho thuê giàn khoan trong Quý IV/2016 giảm mạnh từ 55-60% so với Quý IV/2015;

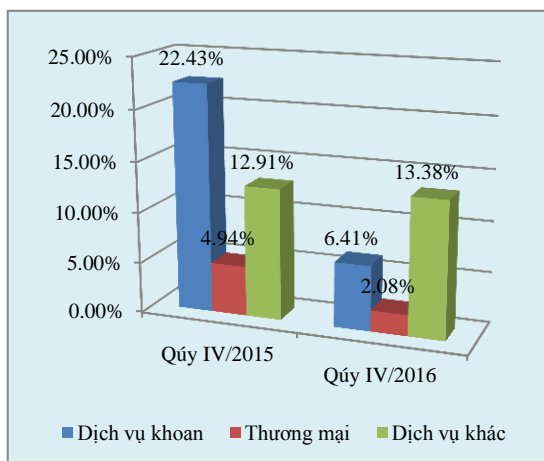
### Cơ cấu Doanh thu thuần của PVD Quý IV/2016



### Cơ cấu Lợi nhuận gộp của PVD Quý IV/2016



### Biên lợi nhuận gộp PVD Quý IV/2016



+ Không có giàn khoan thuê hoạt động trong Quý IV/2016;

+ Khối lượng công việc và đơn giá các dịch vụ liên quan đến khoan trong Quý IV/2016 giảm 40-60% so với cùng kỳ 2015.

Lũy kế cả năm 2016, doanh thu thuần của PVD đạt gần 5.360 tỷ đồng, giảm gần 63% so với năm 2015. Giá vốn hàng bán giảm xuống còn gần 4.538 tỷ đồng (giảm 59,68% so với năm 2015). Lợi nhuận gộp trong kỳ giảm mạnh 74,23% xuống còn 822,39 tỷ đồng. Doanh thu tài chính năm 2016 tăng 17% so với năm 2015 lên 247,18 tỷ đồng. Chi phí tài chính năm 2016 đạt 341,22 tỷ đồng, giảm 35,29% so với năm 2015. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 giảm lần lượt 39,78% & 36,25% xuống còn lần lượt 28,24 tỷ đồng và 636,16 tỷ đồng. Lợi nhuận khác trong năm 2016 đạt 86,73 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2015. Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2016 lần lượt đạt 260,86 tỷ đồng và 174,45 tỷ đồng, giảm lần lượt 87,66% & 90,02% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ năm 2016 đạt 120,3 tỷ đồng, giảm gần 93% so với năm 2015. Như vậy, mặc dù trong năm 2016 tình hình giá dầu chưa chạm mốc 60 USD/thùng và Công ty vẫn còn gặp khá nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận sau thuế mà PVD đạt được trong năm qua đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

### Một số chỉ tiêu tài chính Quý IV/2016 của PVD

Chỉ tiêu	Đơn vị: tỷ đồng					
	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Thay đổi (%)	2016	2015	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần	810.99	2,333.90	-65.25%	5,360.00	14,444.28	-62.89%
Giá vốn hàng bán	741.79	1,934.91	-61.66%	4,537.61	11,253.09	-59.68%
Lợi nhuận gộp	69.19	399.00	-82.66%	822.39	3,191.19	-74.23%
Doanh thu tài chính	79.54	47.69	66.80%	247.18	211.26	17.00%
Chi phí tài chính	127.97	94.88	34.88%	341.22	527.32	-35.29%
- Chi phí lãi vay	47.52	50.91	-6.66%	190.40	187.04	1.80%
Chi phí bán hàng	12.93	22.73	-43.14%	28.24	46.89	-39.78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	86.88	231.30	-62.44%	636.16	997.83	-36.25%
Lợi nhuận khác	74.90	-2.26	-3408.13%	86.73	20.65	320.07%
Lãi/lỗ liên doanh liên kết	58.00	-3.67	-1680.70%	110.19	262.63	-58.04%
Lợi nhuận trước thuế	53.84	91.83	-41.37%	260.86	2,113.69	-87.66%
Lợi nhuận sau thuế	25.35	69.12	-63.32%	174.45	1,747.57	-90.02%
Lợi ích cổ đông thiểu số	-8.82	-7.44	18.49%	54.15	83.34	-35.02%
LNST Công ty mẹ	34.17	76.56	-55.37%	120.30	1,664.22	-92.77%
EPS	55	35	57.14%	203	3,658	-94.45%

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	2014	2015	2016
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>20.884</b>	<b>14.444</b>	<b>5.360</b>
Giá vốn hàng bán	16.763	11.253	4.538
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>4.121</b>	<b>3.191</b>	<b>822</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	161	211	247
Chi phí tài chính	292	527	341
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>145</i>	<i>187</i>	<i>190</i>
Chi phí bán hàng	59	47	28
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.123	998	636
<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>2.809</b>	<b>2.093</b>	<b>174</b>
Thu nhập khác	124	52	94
Chi phí khác	55	32	7
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>70</b>	<b>21</b>	<b>87</b>
Lãi (lỗ) cty liên doanh/liên kết	299	263	110
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3.178</b>	<b>2.114</b>	<b>261</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	646	389	79
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(8)	(23)	8
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>2.540</b>	<b>1.747</b>	<b>174</b>
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>121</i>	<i>83</i>	<i>54</i>
<b>Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ</b>	<b>2.419</b>	<b>1.664</b>	<b>120</b>

### BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

	2014	2015	2016
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>9.452</b>	<b>8.211</b>	<b>6.818</b>
Tiền và tương đương tiền	3.208	3.496	2.778
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12	890	1.683
Các khoản phải thu	4.909	2.756	1.527
Hàng tồn kho	1.226	1.004	795
Tài sản ngắn hạn khác	97	65	35
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>13.852</b>	<b>16.704</b>	<b>16.307</b>
Phải thu dài hạn	-	18	17
Tài sản cố định	13.178	15.932	15.563
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	633	618	619
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	58
Tài sản dài hạn khác	40	83	51
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>23.305</b>	<b>24.915</b>	<b>23.125</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>11.592</b>	<b>11.612</b>	<b>9.658</b>
Nợ ngắn hạn	7.145	4.511	3.252
<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>1.157</i>	<i>1.133</i>	<i>762</i>
<i>Phải trả người bán</i>	<i>2.872</i>	<i>1.443</i>	<i>738</i>
<i>Người mua trả tiền trước</i>	<i>26</i>	<i>18</i>	<i>2</i>
Nợ dài hạn	4.447	7.100	6.406
<i>Vay và nợ dài hạn</i>	<i>3.096</i>	<i>5.258</i>	<i>4.679</i>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>11.479</b>	<b>13.304</b>	<b>13.467</b>
Vốn đầu tư của CSH	3.031	3.485	3.833
Thặng dư vốn cổ phần	2.434	2.434	2.434
Cổ phiếu quỹ	(0)	(21)	(21)
Lãi chưa phân phối	3.873	4.226	3.922
Vốn và quỹ khác	2.141	1.524	1.555
Lợi ích cổ đông thiểu số	235	304	269
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>23.305</b>	<b>24.915</b>	<b>23.125</b>

### LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN

	2014	2015	2016
<b>Tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>2.419</b>	<b>1.664</b>	<b>174</b>
<b>Điều chỉnh:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	1.079	1.394	744
Các khoản dự phòng	-	-	239
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	-	-	-227
Tăng (giảm) hàng tồn kho	(182)	214	201
Tăng (giảm) các khoản phải thu	(700)	2.392	1.189
Tăng (giảm) các khoản phải trả	1.053	(2.661)	-1.115
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>	<b>3.669</b>	<b>2.765</b>	<b>1.064</b>
<b>Tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi TSCĐ	(285)	(3.648)	-235
Tiền thu, thanh lý TSCĐ	3	6	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ đv khác	(492)	(1.124)	-1.716
Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ đv khác	510	246	923
Tiền chi đầu tư, góp vốn	(387)	-	-
Thu lãi cho vay, cổ tức, LN được chia	6	-	203
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(305)</b>	<b>(4.130)</b>	<b>-826</b>
<b>Tiền từ hoạt động tài chính/tài trợ</b>			
Thu PH cp, nhận vốn góp của CSH	22	63	-
Chi trả vốn góp cho CSH, mua cp quỹ	-	(21)	-
Tiền thu từ đi vay	171	3.170	10
Tiền trả nợ gốc vay	(2.004)	(1.299)	-1.002
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(554)	(457)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(2.365)</b>	<b>1.456</b>	<b>-991</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>577</b>	<b>91</b>	<b>-753</b>
<b>Tiền mặt đầu kỳ</b>	<b>2.598</b>	<b>3.208</b>	<b>3.496</b>
<b>Tiền mặt cuối kỳ</b>	<b>3.208</b>	<b>3.496</b>	<b>2.778</b>

### HỆ SỐ TÀI CHÍNH

	2014	2015	2016
<b>Hệ số thanh khoản</b>			
Hệ số thanh toán hiện thời	1,32	1,18	2,10
Hệ số thanh toán nhanh	1,15	1,60	1,85
<b>Hệ số hoạt động</b>			
Số vòng quay khoản phải thu	4,3	4,85	2,50
Số vòng quay hàng tồn kho	12,59	14,77	5,05
Số vòng quay tổng tài sản	0,73	0,58	0,22
<b>Hệ số đòn bẩy</b>			
Hệ số nợ	0,50	0,47	0,42
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,01	0,87	0,72
<b>Hệ số sinh lời</b>			
Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu thuần	20%	22%	15%
Tỷ suất lợi nhuận biên ròng	11,6%	11,5%	3,25%
ROA	10,8%	7,2%	0,75%
ROE	22%	14%	1,29%
<b>Hệ số khác</b>			
Lợi nhuận ròng/CP (EPS)	7.983	4.776	203
Giá trị sổ sách cổ phần(BPS)	37.874	37.170	34.470

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của PSI được xây dựng dựa trên mức chênh lệch giữa kết quả định giá và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm định giá, có giá trị 6 tháng kể từ thời điểm phát hành báo cáo. Có 3 mức khuyến nghị cho mỗi cổ phiếu, tương ứng với từng mức chênh lệch. Các khuyến nghị có thể được thay đổi sau mỗi lần cập nhật hoặc đánh giá lại để phù hợp với tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- **MUA:** khi giá thị trường thấp hơn giá định giá 15%
- **GIỮ:** khi giá thị trường nằm trong biên độ giá định giá +/- 15%
- **BÁN:** khi giá thị trường cao hơn giá định giá 15%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: [www.psi.vn](http://www.psi.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2015 thuộc về Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và PSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của PSI. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của PSI.